

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2022

V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2022, về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Triệu Tú A, sinh năm x.

Địa chỉ: Số a, tổ n, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Tổ b, ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Hồng M, sinh năm y.

Địa chỉ: Số a, tổ n, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị A và anh M có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Triệu Tú A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh M kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30/7/2010. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với

nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vào tháng 02/2022, hai vợ chồng cãi nhau lớn tiếng, gia đình anh M xua đuổi chị A nên từ tháng 02/2022 chị A đã dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay.

Về mâu thuẫn mà anh M trình bày thì chị A không thống nhất, lúc anh M bệnh thì chị A không về được do phải tuân thủ chính sách 04 tại chỗ nhưng chị A vẫn gửi tiền về chữa bệnh cho anh M.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng M.

Về con chung: Chị A và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Triệu Anh H, sinh ngày 07/12/2011 và Nguyễn Triệu Gia M, sinh ngày 25/01/2016, hiện hai con chung đang sống chung với chị A. Sau khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, đồng ý việc anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh M là giao con chung tên Nguyễn Triệu Gia M, sinh ngày 25/01/2016 cho anh M nuôi dưỡng thì chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi Gia M là 1.000.000 đồng/tháng và thống nhất việc anh M cấp dưỡng nuôi Anh H với mức 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Hồng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M thống nhất lời trình bày của chị A về thời gian kết hôn, thời gian xa nhau. Anh M và chị A đã xa nhau từ tháng 02/2022 đến nay nhưng vợ chồng không hàn gắn được, anh M nhiều lần đến gặp chị A và ba mẹ của chị A để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị A không đồng ý. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì anh M không thống nhất, từ năm 2019 do chị A thay đổi tính tình nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ. Tháng 10/2021 anh M mổ ruột thừa nhưng chị A không về chăm nuôi, anh M cảm thấy buồn tủi nên tình cảm vợ chồng xa cách hơn. Sau đó, ba ruột anh M bệnh nhưng anh M chưa hồi phục sức khỏe nên anh em của anh M phải nuôi cha, trong khi đó chị A đi làm và ở lại Công ty Vĩnh Hoàn theo chính sách 04 tại chỗ. Từ đây, anh M và gia đình anh M mới mâu thuẫn với chị A. Mặc dù có mâu thuẫn phát sinh nhưng anh M xác định vẫn còn tình cảm và muốn hàn gắn với chị A để lo cho các con.

Tại phiên tòa, Anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được và đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh M thống nhất vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Triệu Anh H, sinh ngày 07/12/2011 và Nguyễn Triệu Gia M, sinh ngày 25/01/2016, hiện hai con chung đang sống chung với chị A. Sau khi ly

hôn, anh M yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Triệu Gia M, sinh ngày 25/01/2016, đồng ý việc chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.000.000 đồng/tháng và anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi Anh H với mức 1.000.000 đồng/tháng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A là giao cả hai con chung cho chị A nuôi dưỡng thì anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Triệu Tú A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh M và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con; bị đơn có địa chỉ tại xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị A và anh M được xác lập vào năm 2010, do anh chị tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh vào ngày 30/7/2010 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị A và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, chị A cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh M và anh M cũng đồng ý ly hôn với chị A. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh M có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và các đương sự cũng thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly

hôn của chị A và anh M là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét con chung: Chị Triệu Tú A và anh Nguyễn Hồng M có 02 con chung tên Nguyễn Triệu Anh H, sinh ngày 07/12/2011 và Nguyễn Triệu Gia M, sinh ngày 25/01/2016, hiện hai con chung đang sống chung với chị A. Sau khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh M yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Triệu Gia M, sinh ngày 25/01/2016. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra đến nay, hai cháu Anh H và Gia M đều sống cùng nhau và sống chung với cha mẹ nên các cháu có tình cảm anh em gắn bó và đã quen với việc sinh hoạt cùng nhau. Hơn nữa, từ khi vợ chồng chị A và anh M phát sinh mâu thuẫn, sống xa nhau thì các cháu đều sống cùng nhau và sống chung với chị A, cuộc sống đã dần ổn định, chị A chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu rất tốt, đảm bảo đủ điều kiện về vật chất lẫn tinh thần và nguyện vọng của cháu Hào là muốn được sống cùng với mẹ và em trai. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho hai cháu có một tuổi thơ trọn vẹn, tình cảm anh em thêm khăng khít, gắn bó, yêu thương và chăm sóc lẫn nhau thì cần để các cháu sống cùng nhau, đây là quyền lợi chính đáng mà các cháu được hưởng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, chị A được tiếp tục nuôi 02 con chung là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, anh M xác định trường hợp Tòa án giao cả hai con chung cho chị A nuôi dưỡng thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, chị A là người trực tiếp nuôi con, anh M không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con mà anh M tự nguyện là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh M đều thống nhất xác định đối với tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, đối với nợ chung, vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị A tự nguyện chịu án phí về ly hôn, anh M phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 51, 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Tú A và anh Nguyễn Hồng M.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Tú A, chị A được tiếp tục nuôi hai con chung tên Nguyễn Triệu Anh H, sinh ngày 07/12/2011 và Nguyễn Triệu Gia M, sinh ngày 25/01/2016, hiện con chung đang sống với chị A.

3. Cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh M, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Tú A tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005580 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân